

TRƯỜNG...
TỔ: ...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TOÁN, KHỐI LỚP 8
(Năm học 2026 - 2027)**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH****1. Số lớp: ...; Số học sinh: ...****2. Tình hình đội ngũ:****Số giáo viên:** ... giáo viên; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng ... giáo viên; Đại học: ... giáo viên; trên đại học: ... giáo viên.**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: ... giáo viên; Khá: ... giáo viên; Đạt: ... giáo viên; Chưa đạt: ... giáo viên**3. Thiết bị dạy học:** (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính, ti vi kết nối mạng tại các phòng học.	bộ	Dùng cho các tiết dạy có ứng dụng CNTT	
2	Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên	bộ	Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học	
3	Bìa giấy cứng, keo dán, dụng cụ thủ công	bộ	Dùng cho các tiết tạo hình, hoạt động trải nghiệm	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng Tin học	01	Thực hành phần mềm GEOGEBRA Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel	
2	Lớp học	01	Công thức tính lãi kép Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam	

			Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính	
3	Sân trường	01	Ứng dụng định lí Thalès, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách	

II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Phân bố các tiết dạy: Số tiết 140 tiết (35 tuần, mỗi tuần 4 tiết)

	Đại số Thống kê và xác suất	Hình	Ôn tập – Kiểm tra	Tổng	Hoạt động thực hành và trải nghiệm (4 tiết)
Học kì I			Ôn tập giữa kì (4 tiết) K.tra giữa kì (2 tiết) Ôn tập cuối kì (4 tiết) K.tra cuối kì (2 tiết) Trả bài kiểm tra cuối kì (2 tiết)	72	Hoạt động thực hành trải nghiệm (1 tiết) <i>Chủ đề: Công thức tính lãi kép</i> Hoạt động thực hành trải nghiệm (1 tiết) <i>Chủ đề: Phân tích đặc điểm khí hậu VN</i>
Học kì II			Ôn tập giữa kì (2 tiết) K.tra giữa kì (2 tiết) Ôn tập cuối kì (4 tiết) K.tra cuối kì (2 tiết) Trả bài kiểm tra cuối kì (2 tiết)	68	Hoạt động thực hành trải nghiệm (1 tiết) <i>Chủ đề: Ứng dụng định lí Thales, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao</i> Hoạt động thực hành trải nghiệm (1 tiết) <i>Chủ đề: Ứng dụng định lí Thales, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo khoảng cách</i>

1. Phân phối chương trình:

PHẦN ĐẠI SỐ

STT	Bài học	Số tiết	Tiết PPCT	Yêu cầu cần đạt.	Thiết bị dạy học
CHƯƠNG I. ĐƠN THỨC (14 tiết)					
	Bài 1. Đơn thức	2	1.2	- Nhận biết đơn thức, đơn thức thu gọn, hệ số, phần biến và bậc của đơn thức - Thu gọn đơn thức. - Nhận biết đơn thức đồng dạng.	

				<ul style="list-style-type: none">- Cộng và trừ hai đơn thức đồng dạng 1.1TC1b. Thực hiện rõ ràng quy trình tìm kiếm trên môi trường số để tìm ví dụ về đơn thức trong công thức tính diện tích, thể tích. 2.1TC1a. Tương tác thông qua các trò chơi trên màn hình máy chiếu để nhận biết nhanh đơn thức và đơn thức thu gọn trong tập hợp các biểu thức đại số.	
Bài 2. Đa thức	2	3.4	<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết các khái niệm: đa thức, hạng tử của đa thức, đa thức thu gọn và bậc của đa thức.- Thu gọn đa thức.- Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến 3.1TC1a. Tạo nội dung số đơn giản (sơ đồ) phân biệt đơn thức và đa thức. 2.1TC1a. Tương tác thông qua công nghệ số trên màn hình để thực hiện thu gọn đa thức và xác định bậc của đa thức qua các vòng thi đấu trực tuyến.		
Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức	1	5	<ul style="list-style-type: none">- Nắm được cách cộng, trừ hai đa thức- Thực hiện các phép tính cộng, trừ đa thức 2.5TC1a. Thực hiện các quy tắc ứng xử văn minh khi thảo luận nhóm online. 2.1TC1a. Tương tác thông qua máy chiếu để thực hiện thao tác nối, kéo thả các hạng tử đồng dạng để tính tổng và hiệu hai đa thức.		
Luyện tập chung	1	6	<ul style="list-style-type: none">- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 3.- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 1.1TC2b. Tổ chức tìm kiếm và sắp xếp các bài tập cộng, trừ đa thức nâng cao từ các nguồn tin cậy. 2.1TC1a. Tương tác thông qua màn hình máy chiếu để giải quyết các bài toán tổng hợp về thu gọn đa thức và tính giá trị biểu thức.		
Bài 4. Phép nhân đa thức	2	7.8	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện phép tính nhân đơn thức với đa thức và nhân đa thức với đa thức.- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức 6.1TC1b. Thực hiện các thao tác trên công cụ AI để kiểm tra kết quả nhân đa thức. 2.1TC1a. Tương tác qua trò chơi tương tác để thực hiện các bước nhân đơn thức với đa thức và nhân đa thức với đa thức.		
Bài 5. Phép chia đa thức	2	9.10	<ul style="list-style-type: none">- Nắm được cách chia đơn thức cho đơn thức (trường hợp chia		

	cho đơn thức			<p>hết), chia đa thức cho đơn thức (trường hợp chia hết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các phép tính trên đa thức. <p>5.2TC1a. Giải quyết lỗi kỹ thuật khi gõ số mũ trên máy tính.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để xác định phép chia hết và phép chia có dư của đa thức thông qua các thử thách giải đồ.</p>	
	Luyện tập chung	2	11.12	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 4 đến bài 5. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn <p>1.1TC2b. Tổ chức tìm kiếm các bài tập tổng hợp về các phép tính trên đa thức trên các trang web học tập uy tín.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác thông qua màn hình máy chiếu để củng cố kỹ năng nhân và chia đa thức thông qua các trò chơi tương tác phân loại kết quả đúng/sai</p>	
	Bài tập cuối chương I	2	13.14	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn <p>3.1TC2b. Cải tiến sơ đồ kiến thức chương I.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác thông qua máy chiếu để hệ thống hóa kiến thức toàn chương qua các câu hỏi trắc nghiệm tổng hợp và bản đồ khái niệm động.</p>	
	Ôn tập giữa học kì	2	15.16	+ Hệ thống và củng cố các kiến thức đã học trong nửa đầu học kì I	
	Kiểm tra giữa học kì I	1	17	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kỹ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì I	
CHƯƠNG II. HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ VÀ ỨNG DỤNG (11 tiết)					
	Bài 6. Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu	2	18.19	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết hằng đẳng thức. - Mô tả hằng đẳng thức hiệu hai bình phương, bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu. - Vận dụng ba hằng đẳng thức này để tính nhanh, rút gọn biểu thức <p>3.1TC1a. Tạo nội dung số minh họa hằng đẳng thức hình học.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để ghép nối các vế của 3 hằng đẳng thức đầu tiên một cách chính xác.</p>	
	Bài 7. Lập phương của	2	20.21	- Mô tả các hằng đẳng thức: lập phương của một tổng và lập	

	một tổng hay một hiệu			<p>phương của một hiệu.</p> <p>- Vận dụng hai hằng đẳng thức này để khai triển, rút gọn biểu thức</p> <p>6.2TC1a. Sử dụng AI tạo biến thể bài tập hằng đẳng thức bậc 3.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua trò chơi tương tác màn hình để khai triển nhanh các biểu thức lập phương của một tổng hoặc một hiệu.</p>	
	Bài 8. Tổng và hiệu hai lập phương	1	22	<p>- Mô tả các hằng đẳng thức: tổng, hiệu hai lập phương.</p> <p>- Vận dụng hai hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng tích.</p> <p>2.2TC1b. Thực hiện ghi chú nguồn tài liệu khi chia sẻ mẹo nhớ công thức.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để phân biệt và sửa lỗi sai thường gặp giữa các hằng đẳng thức bậc 3 tương tự nhau.</p>	
	Luyện tập chung	1	23	<p>- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 6 đến bài 8.</p> <p>- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn</p> <p>2.2TC1b. Ghi chú nguồn tài liệu khi chia sẻ các bài giải hay về hằng đẳng thức bậc 2 và bậc 3.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để thực hiện các bài tập phối hợp khai triển và thu gọn biểu thức sử dụng hằng đẳng thức đã học.</p>	
	Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử	3	24.25.26	<p>- Nhận biết phân tích đa thức thành nhân tử.</p> <p>- Mô tả ba cách phân tích đa thức thành nhân tử: Đặt nhân tử chung; Nhóm các hạng tử; Sử dụng hằng đẳng thức</p> <p>- Vận dụng các cách này để khai triển, giải toán tìm x, rút gọn biểu thức</p> <p>1.2TC1b. Phê phán tính tin cậy của video hướng dẫn trên MXH.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua công nghệ số để thực hiện kéo thả các nhân tử chung và lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp hiển thị trên màn hình.</p>	
	Luyện tập chung	1	27	<p>- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 9.</p> <p>- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn</p> <p>2.1TC2a. Lựa chọn công cụ số để thảo luận nhóm về các dạng bài phối hợp các phương pháp phân tích nhân tử.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình để luyện tập kỹ năng phối hợp nhiều phương pháp phân tích nhân tử thông qua các trò chơi giải đố phức tạp.</p>	

Bài tập cuối chương II	2	28	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn <p>3.1TC2a. Sáng tạo sản phẩm số tóm tắt ứng dụng hằng đẳng thức.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để hoàn thành hệ thống 7 hằng đẳng thức đáng nhớ thông qua trò chơi</p>	
CHƯƠNG V. DỮ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ (8tiết)				
Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu	2	29.30	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện và lí giải việc thu thập dữ liệu. - Phân loại số liệu rời rạc, số liệu liên tục <p>1.3TC1b. Lưu trữ dữ liệu từ Google Forms vào folder khoa học.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình để phân loại dữ liệu định tính và định lượng từ các cuộc khảo sát trực tiếp của lớp trên màn hình.</p>	
Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ	2	31.32	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. - Lựa chọn biểu đồ phù hợp với dữ liệu cho trước. <p>3.1TC1b. Tạo biểu đồ đoạn thẳng và hình quạt bằng Excel/Sheets.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua công nghệ màn hình để lựa chọn và chuyển đổi linh hoạt giữa các loại biểu đồ cho một bộ dữ liệu nhất định.</p>	
Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ	2	33.34	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện và giải quyết được vấn đề, quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu. - Nhận ra tính hợp lí của dữ liệu được biểu diễn. - Nhận biết mối liên hệ giữa thông kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8. <p>6.1TC2b. So sánh cách AI và con người nhận xét về xu hướng của biểu đồ.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua các nền tảng trò chơi màn hình để phân tích xu hướng, so sánh và rút ra nhận định từ các biểu đồ thực tế.</p>	
Luyện tập chung	1	35	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 18 đến bài 20 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn <p>1.2TC1b. Phê phán tính tin cậy của biểu đồ gây hiểu lầm trên mạng.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để luyện tập kỹ năng đọc biểu đồ và hoàn thành các bảng thống kê tương ứng.</p>	
Bài tập cuối chương V	2	36	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn <p>3.1TC2a. Tạo video phóng sự "Dữ liệu quanh ta".</p>	

				2.1TC1a. Tương tác qua màn hình để hoàn thành bài thi trắc nghiệm tổng hợp toàn chương V dưới dạng cuộc thi đấu trí trực tuyến.	
Ôn tập học kì I	3	37.38.39		Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì I	
Kiểm tra học kì I	1	40		Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kỹ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì I	
Trả bài kiểm tra học kì I	1	41			

CHƯƠNG VI. PHÂN THỨC ĐẠI SỐ (13 tiết)

Bài 21. Phân thức đại số	2	42.43	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết phân thức đại số, tử thức và mẫu thức của một phân thức. - Viết điều kiện xác định của phân thức và tính giá trị của phân thức tại giá trị của biến thoả mãn điều kiện xác định. - Nhận biết hai phân thức bằng nhau 1.1TC1b. Tìm kiếm tài liệu bài tập phân thức trên môi trường số. 2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để xác định tử thức, mẫu thức và điều kiện xác định của các phân thức đại số phức tạp.	
Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số	3	44.45.46	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả tính chất cơ bản của phân thức đại số. - Rút gọn phân thức đại số. - Biết quy đồng mẫu thức nhiều phân thức trong trường hợp thuận lợi 3.1TC1a. Tạo bộ thẻ nhớ Flashcards về quy tắc rút gọn phân thức. 2.1TC1a. Tương tác qua các trò chơi công nghệ để thực hiện rút gọn phân thức dựa trên tính chất cơ bản hiển thị trực quan trên màn hình.	
Luyện tập chung	1	47	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 21 đến bài 22 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 	
Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số	3	48.49.50	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phép cộng và phép trừ phân thức đại số. - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức và quy tắc dấu ngoặc với phân thức trong tính toán. 5.2TC1a. Giải lỗi kỹ thuật trình bày quy đồng mẫu thức trên máy tính. 2.1TC1a. Tương tác qua màn hình để thao tác kéo thả các bước quy đồng	

				mẫu thức và tính tổng, hiệu các phân thức đại số.	
Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số	2	51.52		<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phép nhân và phép chia hai phân thức đại số. - Vận dụng tính chất của phép nhân phân thức trong tính toán 6.2TC1a. Dùng AI kiểm tra và tìm cách rút gọn phân thức tối ưu. 2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để hoàn thành các phép tính nhân, chia phân thức thông qua các thử thách tính nhanh.	
Luyện tập chung	1	53		<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 23 đến bài 24 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 2.1TC2a. Lựa chọn công cụ số để chia sẻ các phương pháp rút gọn phân thức phức tạp. 2.5TC1a. Thực hiện các quy tắc ứng xử văn minh khi giải toán nhóm trực tuyến. 2.1TC1a. Tương tác thông qua công nghệ màn hình máy chiếu để giải quyết các bài toán phối hợp các phép tính trên phân thức đại số qua trò chơi đồng đội.	
Bài tập cuối chương VI	1	54		<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 3.1TC2b. Chỉnh sửa "Sổ tay phân thức" bản điện tử. 2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để ôn tập hệ thống hóa toàn bộ quy tắc phép tính chương VI qua trò chơi đồng đội tương tác.	
Ôn tập giữa học kì II	1	55		Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình nửa đầu học kì II	
Kiểm tra giữa học kì II	1	56		Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì II	

CHƯƠNG VII. PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT VÀ HÀM SỐ BẬC NHẤT (14 tiết)

Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn	3	57.58.59		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất 1.1TC1d. Giải thích quy trình tìm kiếm ứng dụng phương trình đời sống. 2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để thực hiện các thao tác chuyển về và nhân chia để tìm nghiệm của phương trình bậc nhất.	
--------------------------------------	---	----------	--	--	--

Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	1	60	<p>Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất</p> <p>6.1TC2a. Phân tích cách AI đọc hiểu đề bài và thiết lập ẩn số.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình để lựa chọn cách đặt ẩn và biểu diễn các đại lượng chưa biết theo ẩn số thông qua sơ đồ tương tác.</p>	
Luyện tập chung	1	61	<p>- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 25 đến bài 26</p> <p>- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn</p> <p>5.2TC1a. Giải quyết vấn đề kỹ thuật khi trình bày lời giải bài toán đồ trên file tài liệu chung.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để thực hiện các bước lập phương trình cho các bài toán thực tế hiển thị trên màn hình.</p>	
Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số	3	62.63.64	<p>- Nhận biết những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số.</p> <p>- Tính giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức.</p> <p>- Xác định tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ; xác định một điểm trên mặt phẳng tọa độ khi biết tọa độ của nó.</p> <p>- Nhận biết đồ thị hàm số</p> <p>3.1TC1a. Tạo nội dung số là hình vẽ nghệ thuật trên hệ trục tọa độ.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua công nghệ số màn hình để xác định tọa độ các điểm và mô tả sự biến thiên của hàm số qua bảng giá trị.</p>	
Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất	2	65.66	<p>- Thiết lập bảng giá trị của hàm số bậc nhất.</p> <p>- Vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất.</p> <p>- Vận dụng hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất vào giải quyết một số bài toán thực tiễn</p> <p>3.1TC1b. Dùng tính năng động của phần mềm vẽ hình quan sát đồ thị biến đổi.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$ và nhận diện tính chất đường thẳng trên màn hình.</p>	
Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng	2	67.68	<p>- Nhận biết khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$).</p> <p>- Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước</p>	

				<p>6.2TC2a. Dùng AI so sánh độ dốc đường thẳng thực tế.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để xác định hệ số góc và dự đoán vị trí tương đối giữa các đường thẳng dựa trên các tham số a, a'.</p>	
	Luyện tập chung	1	69	<p>- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 27 đến bài 29</p> <p>- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn</p> <p>5.2TC1a. Giải lỗi kỹ thuật hiển thị đồ thị trên mobile/tablet.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để xác định vị trí tương đối của hai đường thẳng qua các thử thách trắc nghiệm hình học đồ thị.</p>	
	Bài tập cuối chương VII	1	70	<p>- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.</p> <p>- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn</p> <p>3.1TC2a. Tạo video "Thế giới qua hàm số" kết hợp quay thực tế.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để hệ thống hóa kiến thức về phương trình và hàm số qua trò chơi.</p>	
CHƯƠNG VIII. LÀM QUEN VỚI BIẾN CỐ VÀ XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ (8 tiết)					
	Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi	2	71.72	<p>- Xác định các kết quả có thể của hành động, thực nghiệm.</p> <p>- Xác định các kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan tới hành động, thực nghiệm</p> <p>1.1TC1b. Tìm kiếm thí nghiệm xác suất ảo trên mạng.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để liệt kê tập hợp các kết quả có thể và thuận lợi cho một biến cố trong trò chơi tung đồng xu/xúc xắc.</p>	
	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số	1	73	<p>Tính xác suất bằng tỉ số giữa số kết quả thuận lợi cho biến cố và số kết quả có thể trong trường hợp các kết quả có thể là đồng khả năng</p> <p>3.1TC1a. Tạo nội dung số (Excel) tính xác suất tự động.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để tính toán nhanh xác suất của các biến cố bằng tỉ số thông qua các thử thách tính nhẩm.</p>	
	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng	3	74.75.76	<p>- Tính xác suất thực nghiệm trong một số ví dụ có tình huống thực tế.</p> <p>- Ước lượng xác suất của một biến cố bằng xác suất thực nghiệm.</p> <p>- Ứng dụng trong một số bài toán đơn giản</p> <p>1.2TC1b. Phê phán quảng cáo trúng thưởng 100% trên mạng.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua công nghệ số màn hình để so sánh xác suất thực</p>	

				nghiệm với xác suất lý thuyết sau nhiều lần thử ảo. - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 30 đến bài 32 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 2.2TC1b. Ghi chú nguồn tin khi chia sẻ số liệu dự báo thời tiết. 2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để giải quyết các bài tập tổng hợp về tính xác suất của các biến cố trong các tình huống thực tiễn.	
	Luyện tập chung	1	77	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 3.1TC2a. Thiết kế Infographic "Xác suất trong đời sống" gắn mã QR. 2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để hoàn thành hệ thống câu hỏi xác suất cuối chương VIII dưới dạng trò chơi giải đố tập trung.	
	Ôn tập học kì II	3	79.80.81	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì II	
	Kiểm tra học kì II	1	82	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kỹ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì II	
	Trả bài kiểm tra học kì II	1	83		

PHẦN HÌNH HỌC

STT	Bài học	Số tiết	Tiết PPCT	Yêu cầu cần đạt.	Thiết bị dạy học
CHƯƠNG III. TỨ GIÁC (14 tiết)					
	Bài 10. Tứ giác	1	1	- Mô tả khái niệm tứ giác, tứ giác lồi. - Giải thích định lý về tổng các góc trong một tứ giác lồi 3.1TC1a. Dùng GeoGebra vẽ tứ giác và tạo nội dung số về định lý tổng các góc. 2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để xác định các yếu tố (đỉnh, cạnh, đường chéo) và tính góc chưa biết của tứ giác.	
	Bài 11. Hình thang cân	2	2.3	- Mô tả khái niệm hình thang, hình thang cân và các yếu tố của chúng. - Giải thích các tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên	

				<p>và đường chéo của hình thang cân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân. <p>1.1TC1c. Giải thích cách tìm kiếm hình ảnh hình thang cân thực tế.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua công nghệ số màn hình để nhận diện hình thang cân từ các dấu hiệu về cạnh và góc thông qua các thử thách thực tế.</p>	
	Luyện tập chung	1	4	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 11 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn <p>1.1TC1d. Giải thích quy trình tìm kiếm chiến lược về ứng dụng của hình thang trong thực tiễn</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để củng cố tính chất của tứ giác và hình thang cân thông qua các bài tập vận dụng tính toán độ dài cạnh và góc.</p>	
	Bài 12. Hình bình hành	2	5.6	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả khái niệm hình bình hành. - Giải thích các tính chất của hình bình hành. - Nhận biết dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành <p>3.1TC2b. Chỉnh sửa file vẽ để biến đổi tứ giác thành hình bình hành.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để thực hiện các bài tập kiểm tra dấu hiệu nhận biết hình bình hành</p>	
	Luyện tập chung	1	7	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 12 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn <p>5.1TC1a. Xác định nhu cầu dùng phần mềm vẽ hình để kiểm tra tính chất đối xứng của hình thang cân và hình bình hành.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác thông qua máy chiếu để giải các bài toán thực tế áp dụng tính chất của hình thang cân và hình bình hành.</p>	
	Bài 13. Hình chữ nhật	1	8.9	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả khái niệm hình chữ nhật. - Giải thích tính chất hai đường chéo của hình chữ nhật. - Nhận biết dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật <p>4.1TC1a. Giải thích quy trình bảo vệ thiết bị khi vẽ hình online.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để kiểm tra tính chất hai đường chéo bằng các công cụ đo đạc số và so sánh kết quả trực tiếp.</p>	
	Bài 14. Hình thoi và hình	2	10.11	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả khái niệm hình thoi và hình vuông. 	

	vuông			<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích các tính chất của hình thoi và hình vuông. - Nhận biết dấu hiệu để một hình là hình thoi, hình vuông 6.1TC2a. Phân tích cách AI nhận diện hình thoi/hình vuông. 2.1TC1a. Tương tác qua màn hình để so sánh tính chất và mối liên hệ giữa hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông qua sơ đồ tương tác.	
	Luyện tập chung	1	12	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 13 đến bài 14 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 5.1TC1a. Xác định nhu cầu dùng phần mềm mô phỏng giải toán hình. 2.1TC1a. Tương tác qua trò chơi công nghệ để giải quyết các bài toán tổng hợp về hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông.	
	Bài tập cuối chương III	2	13.14	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 3.1TC2a. Tạo video "Cây phả hệ tứ giác" có hiệu ứng số. 2.1TC1a. Tương tác thông qua màn hình máy chiếu để hoàn thành bài thi tổng hợp về tứ giác dưới dạng trò chơi truyền hình tương tác.	
	Ôn tập giữa học kì I	1	15.16	Ôn tập và củng cố các kiến thức đã học trong nửa đầu học kì I	
	Kiểm tra giữa học kì I	1	17	Kiểm tra đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì I	
CHƯƠNG IV. ĐỊNH LÍ THALÈS (8 tiết)					
	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác	2	18.19	<ul style="list-style-type: none"> - Định lí Thalès trong tam giác (thuận và đảo). - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thalès 1.1TC1d. Giải thích quy trình tìm kiếm chiến lược về lịch sử Thalès. 2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để xác định các cặp đoạn thẳng tỉ lệ dựa trên định lí Thalès trong các mô hình tam giác khác nhau.	
	Bài 16. Đường trung bình của tam giác	2	20.21.22	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả định nghĩa đường trung bình của tam giác. - Giải thích tính chất đường trung bình của tam giác 2.2TC1a. Chia sẻ sản phẩm vẽ hình đường trung bình qua mã QR. 2.1TC1a. Tương tác qua công nghệ số màn hình để vận dụng tính chất đường trung bình giải các bài toán đo khoảng cách thực tế qua mô phỏng.	

Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác	1	23	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích tính chất đường phân giác trong của tam giác. - Sử dụng tính chất đường phân giác trong của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng và tỉ số của hai đoạn thẳng 6.2TC2a. Tối ưu hóa việc dùng AI so sánh tỉ số đoạn phân giác. 2.1TC1a. Tương tác qua màn hình để kiểm tra tính đúng đắn của tỉ số các đoạn thẳng mà đường phân giác tạo ra trên cạnh đối diện.	
Luyện tập chung	1	24	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 15 đến bài 17 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 2.5TC1a. Quy tắc ứng xử văn minh khi sửa bài online cho bạn. 2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để giải quyết các bài tập trắc nghiệm vận dụng định lý Thalès và tính chất đường phân giác vào thực tế.	
Bài tập cuối chương IV	2	25.26	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 3.1TC2a. Tạo bài giảng Micro-learning về ứng dụng định lý Thalès. 2.1TC1a. Tương tác qua công nghệ số trên màn hình để giải ô chữ kiến thức và hoàn thành các bài toán thực tế đo bóng nắng, đo tháp.	
Hoạt động thực hành trải nghiệm	2	27.28		
Ôn tập học kì I	1	29	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì I	
Kiểm tra học kì I	1	30	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kỹ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì I	
Trả bài kiểm tra học kì I		31		
CHƯƠNG IX. TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG. (13 tiết)				
Bài 33. Hai tam giác đồng dạng	2	32.33	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết hai tam giác đồng dạng và giải thích các tính chất của chúng. - Giải thích định lý về trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác. 3.1TC1a. Dùng GeoGebra vẽ tam giác đồng dạng và tạo nội dung số. 2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để đo, so sánh các cặp góc và tỉ số các cạnh tương ứng của hai tam giác đồng dạng hiển thị trên màn hình.	
Bài 34. Ba trường hợp	3	34.35.36	- Nhận biết và giải thích hai tam giác đồng dạng dựa trên ba	

	đồng dạng của hai tam giác			<p>trường hợp đồng dạng của hai tam giác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn <p>6.1TC2a. Phân tích thuật toán AI so sánh hai hình đồng dạng.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để nhận diện nhanh các cặp tam giác đồng dạng theo trường hợp c-c-c, c-g-c, g-g.</p>	
	Luyện tập chung	1	37	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 33 đến bài 34 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn <p>2.1TC2a. Lựa chọn công cụ số phối hợp thảo luận nhóm giải toán hình đồng dạng.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để giải các bài tập vận dụng các trường hợp đồng dạng vào việc tính độ dài đoạn thẳng</p>	
	Bài 35. Định lý Pythagore và ứng dụng	2	38.39	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích định lý Pythagore. - Tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lý Pythagore. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lý Pythagore <p>1.1TC1d. Tìm kiếm lịch sử và video chứng minh định lý Pythagore 3D.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình để tính toán độ dài cạnh tam giác vuông thông qua các thử thách của trò chơi</p>	
	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông	2	40.41	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng. <p>3.1TC2b. Cải tiến bài toán chiều cao cây thành video mô phỏng 3D.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để vận dụng tỉ số đồng dạng của tam giác vuông giải các bài toán đo bóng nắng và khoảng cách.</p>	
	Bài 37. Hình đồng dạng	1	42	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết hai hình đồng dạng. - Nhận biết hai hình đồng dạng phối cảnh. - Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo, ... biểu hiện qua hình đồng dạng. <p>3.2TC1a. Giải thích quy tắc bản quyền khi dùng ảnh Fractal trên mạng.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để thực hiện các phép đồng</p>	

				dạng lên các hình ảnh nghệ thuật và quan sát sự thay đổi kích thước.	
Luyện tập chung	1	43		<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 35 đến bài 37 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 5.1TC1a. Xác định nhu cầu dùng phần mềm mô phỏng giải toán hình đồng dạng thực tế. 2.1TC1a. Tương tác qua trò chơi công nghệ tổng hợp luyện tập kỹ năng phối hợp định lí Thalès, Pythagore và tam giác đồng dạng.	
Bài tập cuối chương IX	1	44		<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn 3.1TC2a. Tạo video minh họa hình đồng dạng. 2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để hệ thống hóa kiến thức toàn chương IX qua trò chơi đấu trí trực tuyến	
Ôn tập giữa học kì II	1	45		Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình nửa đầu học kì II	
Kiểm tra giữa học kì II	1	46		Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kỹ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì II	

CHƯƠNG X. MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN (6tiết)

Bài 38. Hình chóp tam giác đều	2	47.48		<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều. - Tạo lập hình chóp tam giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều 3.1TC1a. Tạo nội dung số 3D mô phỏng hình chóp tam giác đều. 2.1TC1a. Tương tác qua công nghệ số màn hình để xoay, mở phẳng hình chóp tam giác đều và xác định các mặt đáy, mặt bên.	
Bài 39. Hình chóp tứ giác đều	2	49.50		<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình chóp tứ giác đều. 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Tạo lập hình chóp tứ giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều. <p>5.2TC1a. Sửa lỗi kỹ thuật về hình không gian (nét đứt) trên PPT.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua máy chiếu để tính diện tích xung quanh và thể tích hình chóp tứ giác đều thông qua các bài tập tương tác kéo thả thông số.</p>	
	Luyện tập chung	1	51	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 38 đến bài 39 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn <p>3.1TC2b. Cải tiến file Excel tính thể tích hình chóp có sẵn.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua các trò chơi màn hình máy chiếu để củng cố công thức tính toán và giải các bài tập thực tế về Kim tự tháp, lều chóp.</p>	
	Bài tập cuối chương VIII	1	52	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn <p>3.1TC2a. Tạo video giới thiệu hình khối thực tế tích hợp AR/VR.</p> <p>2.1TC1a. Tương tác qua màn hình máy chiếu để hoàn thành hệ thống câu hỏi ôn tập tổng hợp chương X dưới dạng trò chơi.</p>	
	Hoạt động thực hành trải nghiệm	2	53.54		
	Ôn tập học kì II	1	55	Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì II	
	Kiểm tra học kì II	1	56	Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì II	
	Trả bài kiểm tra học kì II	1	57		

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông) (không)

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	Tuần 9	Đầu tháng 11	<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong hai chương Đa thức và Tứ giác – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Đa thức và Tứ giác 	Trắc nghiệm và Tự luận

			– Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	
Cuối Học kỳ 1	Tuần 18	Cuối tháng 12	– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kỳ I – Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong học kỳ I – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận
Giữa Học kỳ 2	Tuần 26	Đầu tháng 3	– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng – Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận
Cuối Học kỳ 2	Tuần 35	Cuối tháng 5	– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kỳ II – Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong học kỳ II – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận

III. CÁC NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ):

1. Bồi dưỡng học sinh giỏi:

a) Mục đích:

- Giúp các em học sinh có điều kiện học tập, phát triển tư duy, sáng tạo, có thái độ học tập đúng đắn, tự nghiên cứu, tìm tòi, tham khảo tài liệu.
- Giúp các em có phương pháp học tập tích cực trong các bộ môn, kích thích sự phát triển thông minh, ham hiểu biết, không ỷ lại.
- Giúp cho các em có năng khiếu bộ môn có cơ hội tiếp cận những vấn đề nâng cao và sâu hơn, qua đó tạo cho các em niềm đam mê và yêu thích môn học.
- Giúp các em có cơ hội rèn luyện, phấn đấu trở thành học sinh giỏi xuất sắc phát triển toàn diện.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.
- Tổ chức bồi dưỡng cho đội tuyển từ kết quả kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi khối 8 năm học 2026 – 2027.

c) Kế hoạch học tập:

THỜI GIAN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	GHI CHÚ
-----------	--------------------	---------

07/9/2026	Phổ biến kế hoạch và nội quy lớp bồi dưỡng HSG đến HS được tuyển chọn.	
Đợt 1: 6 tuần 15/9/2026 - 30/10/2026	Lập danh sách Đội dự tuyển (lần 1)	
	Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nội dung cơ bản và luyện tập	
	Kiểm tra cuối đợt 1.	Báo kết quả: 01/11/2026
Đợt 2: 8 tuần 01/11/2026 - 01/12/2026	Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nội dung nâng cao và luyện tập	
	Kiểm tra cuối đợt 2.	Báo kết quả: 02/12/2026
	Lập danh sách Đội dự tuyển (lần 2)	
Đợt 3: 8 tuần 02/12/2026 - 15/02/2027	Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nội dung chuyên sâu, tổng ôn và luyện tập	(có 02 tuần nghỉ tết)
	Kiểm tra cuối đợt 3.	
	Chốt danh sách Đội tuyển (lần 3)	Báo kết quả: 20/02/2027
Đợt 4: 8 tuần 15/02/2027 - 15/04/2027	Tiếp tục thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nội dung Tổng ôn tập và luyện tập	
	Kiểm tra cuối đợt 4	
	Chốt danh sách Đội tuyển (lần 4) dự thi cấp Trường	Báo kết quả: 15/04/2027

d) Biện pháp thực hiện:

- Tuyển chọn học sinh yêu thích bộ môn, có kết quả năm học trước đạt loại giỏi, hạnh kiểm tốt, điểm trung bình bộ môn yêu thích đạt từ 8,0 trở lên.
- Khảo sát chất lượng, kết quả làm bài đạt loại tốt, dự kiến đưa vào đội tuyển học sinh giỏi của nhà trường.
- Chọn giáo viên dạy bồi dưỡng là giáo viên giỏi có năng lực, trình độ chuyên môn vững, tâm huyết và say mê với công tác bồi dưỡng, có tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của người học và đặt chất lượng chung của nhà trường lên hàng đầu.
- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cụ thể, chi tiết, yêu cầu giáo viên dạy bồi dưỡng giảng dạy đảm bảo kiến thức chuyên sâu, đơn vị kiến thức từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp cho các em học sinh làm quen với nhiều dạng đề khác nhau.
- Thành lập ngân hàng đề thi học sinh giỏi ở các năm để giáo viên bồi dưỡng luyện tập cho học sinh.
- GVCN, GV bồi dưỡng bám sát các em trong những tiết học, hướng dẫn giúp đỡ học sinh phương pháp học tập, tự tin không ỷ lại, không chủ quan.
- GV bồi dưỡng sưu tầm tài liệu, nhiều dạng đề và Bài tập giao cho các em từ dễ đến khó, định hướng cho các em tư duy và chủ động học tập tích cực.
- Từng đợt BGH đánh giá và rút kinh nghiệm cho học sinh và giáo viên.
- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh quan tâm và tạo điều kiện thời gian, vật chất, tinh thần cho học sinh học tập tốt nhất

2. Giúp đỡ học sinh yếu

a) Mục đích:

- Giúp học sinh yếu – kém được ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp thu bài mới được tốt hơn, nâng cao kết quả học tập.
- Nhằm từng bước khắc phục tỉ lệ HS yếu, kém giảm so với năm học trước, nâng dần chất lượng dạy và học, hoàn thành giáo dục toàn diện của trường đạt chuẩn quốc gia.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.
- Triển khai kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu, kém trong buổi họp Hội đồng sư phạm cho mọi thành viên cùng biết và thực hiện.
- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.
- Tổ chức phụ đạo những kiến thức cơ bản trong nội dung chương trình sách giáo khoa, đảm bảo chuẩn kiến thức – kỹ năng theo chủ đề bám sát để giúp học sinh nắm được kiến thức chắc chắn.

c) Kế hoạch học tập:

Tiến độ thực hiện

Tháng	Nội dung công việc	Phân công
9/2026	- Xây dựng dự thảo kế hoạch phụ đạo HS yếu. - Lập danh sách HS yếu gửi về BGH.	TT GVBM
10 - 12/2026	- Triển khai kế hoạch phụ đạo HS yếu đến GV. - Phụ đạo HS yếu các môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học. - Phụ đạo HS yếu các môn Sinh, Sử, Địa, GDCD, Công nghệ thường xuyên trong tiết dạy - Kiểm tra công tác phụ đạo HS yếu.	TT GVBM GVBM TT
01+02/2027	- Thống kê điểm kết quả cuối HKI những HS tham gia học phụ đạo. - Lập danh sách HS yếu bộ môn học tiến hành phụ đạo HKII. - Sơ kết, rút kinh nghiệm hoạt động phụ đạo HS yếu HKI.	GVBM, TT GVBM, TT TT
3+4/2027	- Phụ đạo HS yếu theo các môn.	GVBM

Tháng	Nội dung công việc	Phân công
	- Kiểm tra công tác phụ đạo HS yếu.	TT
5/2027	- Thống kê kết quả cuối HKII những HS học phụ đạo. - Tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động phụ đạo HS yếu.	GVBM, TT

d) Biện pháp thực hiện:

- Truyền đạt kiến thức cho học sinh đồng thời dạy đủ các đối tượng học sinh yếu - kém. Kiểm tra hướng dẫn thường xuyên.
- GVCN tìm hiểu hoàn cảnh của học sinh yếu-kém; liên hệ thường xuyên với phụ huynh để tìm biện pháp giải quyết. Nhiệt tình thể hiện tinh thần trách nhiệm cao hơn đối với học sinh.
- Hướng dẫn các em cách học và chuẩn bị bài ở nhà cho ngày hôm sau.
- Tổ chức các hình thức dạy học trên lớp phong phú hơn để thu hút học sinh chú ý vào bài học.
- Đôn đốc học sinh đi đều và đi đủ, cho 1 học sinh khá, giỏi kèm cặp học sinh yếu kém.
- Khi dạy sử dụng triệt để đồ dùng dạy học, liên hệ thực tế sinh động; giúp học sinh dễ nhớ bài.
- Qua khảo sát chất lượng đầu năm giáo viên bộ môn chọn ra những học sinh yếu kém và lên kế hoạch phụ đạo kịp thời
- Dạy theo thời khóa biểu quy định mỗi tuần 2 tiết ngoài thời khóa biểu chính khóa.
- Sau 4 tuần giáo viên cho học sinh làm bài kiểm tra để xóa kém và chọn những học sinh khác tiếp tục nâng kém đợt II (nếu có).
- Mỗi tiết dạy giáo viên ôn lại kiến thức mà học sinh bị hỏng sau đó cho bài tập áp dụng rèn kỹ năng

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng 8 năm 2026
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)
TRƯỜNG: THCS
TỔ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

(Năm học 2026 - 2027)

1. Khối lớp: 8 ; Số học sinh: ...

STT	Chủ đề dạy học dự án (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	Kiến trúc sư tương lai: Thiết kế công viên mini	Nhận biết và sử dụng tính chất các loại tứ giác (hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông) để quy hoạch không gian.	3	Tuần 9 - 10	Phòng học / Sân trường	GV bộ môn	Tổ Mỹ thuật	Bộ thước vẽ, giấy A0, mô hình vật liệu.
<p>Hoạt động 1: Khởi động - Bản đồ bí ẩn Mục tiêu: Nhận diện và gọi tên các tứ giác đặc biệt trong kiến trúc quy hoạch. Tiến trình: + GV trình chiếu bản đồ quy hoạch của một công viên thực tế. + HS làm việc nhóm, dùng bút dạ khoanh vùng các khu vực có hình dạng tứ giác (bể bơi hình chữ nhật, vườn hoa hình thoi, sân chơi hình vuông...) + GV chốt đáp án và nhắc lại các dấu hiệu nhận biết tứ giác đặc biệt. Sản phẩm: Phiếu nhận diện hình học trên bản đồ.</p> <p>Hoạt động 2: Thực hành sáng tạo - Quy hoạch không gian xanh Mục tiêu: Vận dụng tính chất tứ giác để vẽ bản thiết kế kỹ thuật. Tiến trình: + Giai đoạn 1 (Lên ý tưởng): Nhóm thảo luận phân chia các phân khu chức năng cho Công viên lớp 8A trên giấy A0. + Giai đoạn 2 (Vẽ kỹ thuật): HS dùng thước, eke vẽ chính xác các khu vực. Ví dụ: Vườn hoa hình thoi có hai đường chéo bằng x và y, Sân khấu hình vuông nằm chính giữa. + Giai đoạn 3 (Hoàn thiện): Tô màu và chú thích các tính chất hình học được sử dụng (ví dụ: các cạnh đối song song, hai đường</p>								

	chéo vuông góc). Sản phẩm: Bản thiết kế công viên mini trên khổ giấy A0. Hoạt động 3: Triển lãm & Đánh giá - Đấu thầu dự án Mục tiêu: Thuyết trình về tính ứng dụng và độ chính xác hình học. Tiến trình: + Các nhóm treo bản thiết kế. Đại diện nhóm đóng vai Kiến trúc sư trưởng thuyết minh về cách sử dụng các hình tứ giác để tối ưu diện tích. + GV đánh giá dựa trên tiêu chí: Độ chính xác toán học, tính sáng tạo và thẩm mỹ. Sản phẩm: Điểm số và nhận xét từ "Ban quản lý đô thị" (GV).							
2	Mật mã đại số: Giải mã hằng đẳng thức	Vận dụng thành thạo 7 hằng đẳng thức đáng nhớ để phân tích đa thức và giải quyết các bài toán đố.	2	Tuần 14 - 15	Lớp học	GV bộ môn	Tổ Tin học	Bộ thẻ bài mật mã, máy chiếu.
	Hoạt động 1: Khởi động - Tiếp sức đại số Mục tiêu: Kiểm tra phản xạ nhớ các công thức hằng đẳng thức. Tiến trình: + Chia lớp thành 2 đội thi chạy tiếp sức lên bảng điền về còn thiếu của các hằng đẳng thức. + Đội nào hoàn thành nhanh và đúng hơn sẽ nhận được "Chìa khóa gợi ý" cho hoạt động 2. Sản phẩm: Các công thức hằng đẳng thức hoàn chỉnh trên bảng. Hoạt động 2: Thực hành sáng tạo - Căn phòng Escape Room đại số Mục tiêu: Vận dụng biến đổi đa thức để giải quyết mật mã. Tiến trình: + Giai đoạn 1 (Giải mã): Mỗi nhóm nhận một bộ 5 phong bì mật mã. Để mở phong bì tiếp theo, nhóm phải giải bài toán Phân tích đa thức thành nhân tử hoặc Tính nhanh giá trị biểu thức bằng hằng đẳng thức. + Giai đoạn 2 (Lắp ghép): Kết quả của mỗi bài toán là một chữ cái. HS lắp ghép các chữ cái để tìm ra Mật mã cuối cùng. + Giai đoạn 3 (Sáng tạo câu đố): Các nhóm tự thiết kế một câu đố đại số dựa trên hằng đẳng thức để thách đố nhóm bạn. Sản phẩm: Bộ thẻ giải mã hoàn thiện. Hoạt động 3: Triển lãm & Đánh giá - Bậc thầy mật mã Mục tiêu: Đúc kết các lỗi sai thường gặp khi dùng hằng đẳng thức. Tiến trình: + GV tổng kết những "bẫy" mà học sinh thường mắc phải (như nhầm dấu, quên hệ số $2ab...$). + Trao thưởng cho nhóm giải mã nhanh nhất. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy về các lưu ý khi dùng hằng đẳng thức.							
3	Đo đạc thế giới: Ứng dụng Thales và	Vận dụng định lý Thales, Tam giác đồng dạng và	4	Tuần 24 - 25	Thực địa (Sân trường)	GV bộ môn	Tổ Vật lý	Giác kế, thước dây, máy tính

	Pythagore	định lí Pythagore để đo chiều cao vật thể hoặc khoảng cách gián tiếp.						cầm tay.
<p>Hoạt động 1: Khởi động - Bóng của mặt trời Mục tiêu: Hiểu nguyên lý đồng dạng thông qua bóng của vật thể. Tiến trình: + GV trình chiếu video ngắn về cách nhà toán học Thales đo chiều cao Kim tự tháp bằng một cây gậy. + HS thảo luận nhóm về mối liên hệ giữa chiều cao cây gậy/bóng của gậy và chiều cao vật/bóng của vật. Sản phẩm: Sơ đồ hình vẽ minh họa mối liên hệ tam giác đồng dạng.</p> <p>Hoạt động 2: Thực hành sáng tạo - Đo chiều cao gián tiếp Mục tiêu: Thực hành đo đạc thực tế tại sân trường. Tiến trình: + Giai đoạn 1 (Chuẩn bị): Các nhóm di chuyển ra sân trường, mang theo giác kế, thước dây và gậy. + Giai đoạn 2 (Đo đạc): Mỗi nhóm chọn một vật thể (cột cờ, cây cao, chiều cao tòa nhà). Thực hiện đo bóng của vật và bóng của gậy (hoặc dùng giác kế đo góc nâng). + Giai đoạn 3 (Tính toán): Áp dụng định lí Thales/Tam giác đồng dạng để tính chiều cao thực tế. Dùng Pythagore để tính khoảng cách từ đỉnh vật đến vị trí đứng. Sản phẩm: Bảng số liệu thực địa và bài giải chi tiết.</p> <p>Hoạt động 3: Triển lãm & Đánh giá - Báo cáo khảo sát Mục tiêu: Đối chiếu kết quả và giải trình sai số. Tiến trình: + Các nhóm báo cáo kết quả. GV công bố chiều cao thực tế (đã biết trước) để so sánh. + HS thảo luận về các nguyên nhân gây ra sai số (do thước, do mặt đất không phẳng...) và cách khắc phục. Sản phẩm: Bài báo cáo kết quả đo đạc (có ảnh chụp minh họa).</p>								
4	Nhà quản lý tài chính trẻ: Hàm số và cuộc sống	Thiết lập hàm số bậc nhất để mô hình hóa các bài toán thực tế về thu chi, tiền cước điện thoại hoặc quãng đường.	3	Tuần 31 - 32	Lớp học	GV bộ môn	Phụ huynh, DN địa phương	Dữ liệu thực tế, máy tính, phần mềm Excel.
<p>Hoạt động 1: Khởi động - Giá cước Grab/Taxi Mục tiêu: Nhận diện sự phụ thuộc giữa hai đại lượng trong thực tế. Tiến trình: + GV đưa ra bảng giá cước của một hãng xe (ví dụ: Mở cửa 10k, mỗi km tiếp theo 15k). + HS tính toán giá tiền cho các quãng đường 5km, 10km, 20km. + GV yêu cầu HS viết công thức tổng quát $y = ax + b$.</p>								

	<p>Sản phẩm: Công thức hàm số bậc nhất ứng với giá xe.</p> <p>Hoạt động 2: Thực hành sáng tạo - Kế hoạch tài chính cá nhân</p> <p>Mục tiêu: Mô hình hóa thu chi bằng đồ thị hàm số.</p> <p>Tiến trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giai đoạn 1 (Thu thập kích bản): Mỗi nhóm nhận một tình huống (ví dụ: Một bạn có sẵn 500k tiết kiệm, mỗi tháng để dành thêm 100k từ tiền tiêu vặt). + Giai đoạn 2 (Lập hàm & Vẽ đồ thị): Thiết lập hàm số y biểu diễn số tiền sau x tháng. Vẽ đồ thị hàm số này trên giấy kẻ ô khổ lớn. + Giai đoạn 3 (Phân tích): Dựa vào đồ thị, dự đoán sau bao lâu bạn đó đủ tiền mua một món đồ yêu thích giá 2 triệu đồng. <p>Sản phẩm: Biểu đồ tài chính của nhóm.</p> <p>Hoạt động 3: Triển lãm & Đánh giá - Tư vấn tài chính</p> <p>Mục tiêu: Vận dụng hàm số để đưa ra các quyết định thông minh.</p> <p>Tiến trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các nhóm trình bày kế hoạch đạt mục tiêu tài chính. + GV đặt câu hỏi phản biện: <i>Nếu mỗi tháng bạn tiêu bớt đi 20k thì đồ thị sẽ thay đổi thế nào?</i>. HS trả lời bằng cách dịch chuyển đường thẳng trên đồ thị. <p>Sản phẩm: Phiếu trả lời phản biện và đánh giá cuối dự án</p>
--	---

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

...., ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)
TRƯỜNG: THCS MƯỜNG MÁN
TỔ: TOÁN

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC.

(Năm học 2026 - 2027)

1. Phân phối chương trình

PHẦN ĐẠI SỐ

STT	Bài học (1)	Tiết ppct	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1	Chương I. ĐA THỨC Bài 1. Đơn thức (tiết 1) Mục 1. Đơn thức và đơn thức thu gọn			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
2	Bài 1. Đơn thức (tiết 2) Mục 2. Đơn thức đồng dạng			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
3	Bài 2. Đa thức (tiết 1) Mục 1. Khái niệm đa thức.			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
4	Bài 2. Đa thức (tiết 2) Mục 2. Đa thức thu gọn			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
5	Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
6	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
7	Bài 4. Phép nhân đa thức (tiết 1) Mục 1. Nhân đơn thức với đa thức			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
8	Bài 4. Phép nhân đa thức (tiết 2)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội	Lớp học

	Mục 2. Nhân đa thức với đa thức				dung bài tập hoặc máy chiếu	
9	Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức (tiết 1) Mục 1. Chia đơn thức cho đơn thức			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
10	Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức (tiết 2) Mục 2. Chia đa thức cho đơn thức			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
11	Luyện tập chung (tiết 1)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
12	Luyện tập chung (tiết 2)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
13	Ôn tập chương I (tiết 1)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
14	Ôn tập chương I (tiết 2)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
15	Ôn tập giữa học kì I (tiết 1)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
16	Ôn tập giữa học kì I (tiết 2)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
17	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I			Tuần		Lớp học
18	Chương II. HẸNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ VÀ ỨNG DỤNG Bài 6. Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu (tiết 1) Mục 1. Hằng đẳng thức Mục 2. Hiệu hai bình phương			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
19	Bài 6. Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu (tiết 2) Mục 3. Bình phương của một tổng Mục 4. Bình phương của một hiệu.			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
20	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu (tiết 1) Mục 1. Lập phương của một tổng			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
21	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu (tiết 2) Mục 2. Lập phương của một hiệu			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
22	Bài 8. Tổng và hiệu hai lập phương			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

23	Luyện tập chung (tiết 1)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
24	Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử (tiết 1) Mục 1. PTĐT thành nhân tử bằng cách đặt nhân tử chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
25	Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử (tiết 1) Mục 2. PTĐT thành nhân tử bằng cách nhóm hạng tử			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
26	Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử (tiết 1) Mục 3. PTĐT thành nhân tử bằng cách sử dụng HĐT			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
27	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
28	Ôn tập chương II			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
29	Chương V. DỮ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu (tiết 1) Mục 1. Thu thập dữ liệu			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
30	Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu (tiết 2) Mục 2. Phân loại dữ liệu			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
31	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (tiết 1) Mục 1. Lựa chọn biểu đồ tranh hay biểu đồ cột Mục 2. Lựa chọn biểu đồ cột hay biểu đồ đoạn thẳng			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
32	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (tiết 2) Mục 3. Lựa chọn biểu đồ cột kép hay biểu đồ hình quạt tròn			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
33	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (tiết 1) Mục 1. Cần lưu ý khi đọc và diễn giải biểu đồ			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
34	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (tiết 2) Mục 2. Đọc và phân tích số liệu biểu đồ			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
35	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
36	Bài tập cuối chương V			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

37	Ôn tập học kì I (phần đại số)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
38	Ôn tập học kì I (phần đại số)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
39	Ôn tập học kì I (phần Thống kê và xác suất)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
40	KIỂM TRA HỌC KÌ I			Tuần		Lớp học
41	Trả bài kiểm tra học kì I			Tuần		Lớp học
42	4 Chương VI. PHÂN THỨC ĐẠI SỐ Bài 21. Phân thức đại số (tiết 1) Mục 1. Phân thức đại số			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
43	Bài 21. Phân thức đại số (tiết 2) Mục 2. Hai phân thức bằng nhau			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
44	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (tiết 1) Mục 1. Tính chất cơ bản của phân thức			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
45	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (tiết 2) Mục 2. Vận dụng (rút gọn phân thức)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
46	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (tiết 3) Mục 3. Vận dụng (quy đồng mẫu nhiều phân thức)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
47	Luyện tập chung 13			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
48	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (tiết 1) Mục 1. Cộng hai phân thức cùng mẫu Mục 2. Cộng hai phân thức khác mẫu			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
49	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (tiết 2) Mục 3. Trừ hai phân thức.			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
50	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (tiết 3) Mục 4. Cộng, trừ nhiều phân thức đại số.			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
51	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (tiết 1) Mục 1. Nhân hai phân thức			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
52	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (tiết 2) Mục 2. Chia hai phân thức			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
53	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

54	Bài tập cuối chương VI			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
55	Ôn tập giữa học kì II			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
56	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II			Tuần		Lớp học
57	Chương VII. PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT VÀ HÀM SỐ BẬC NHẤT Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn (tiết 1) Mục 1. Phương trình một ẩn			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
58	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn (tiết 2) Mục 2. Phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
59	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn (tiết 3) Mục 3. Phương trình đưa được về dạng $ax + b = 0$			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
60	Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
61	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
62	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số (tiết 1) Mục 1. Khái niệm hàm số			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
63	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số (tiết 2) Mục 2. Mặt phẳng tọa độ			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
64	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số (tiết 3) Mục 3. Đồ thị của hàm số			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
65	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất (tiết 1) Mục 1. Khái niệm hàm số bậc nhất			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
66	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất (tiết 2) Mục 2. Đồ thị của hàm số bậc nhất			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
67	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng (tiết 1) Mục 1. Hệ số góc của đường thẳng			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
68	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng (tiết 2) Mục 2. Đường thẳng song song, đường thẳng cắt nhau			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
69	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội	Lớp học

					dung bài tập hoặc máy chiếu	
70	Bài tập cuối chương VII			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
71	Chương VIII. MỞ ĐẦU VỀ TÍNH XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi (tiết 1) Mục 1. Kết quả có thể của hành động, thực nghiệm			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
72	Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi (tiết 2) Mục 2. Kết quả thuận lợi cho một biến cố			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
73	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
74	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (tiết 1) Mục 1. Xác suất thực nghiệm của một biến cố			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
75	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (tiết 2) Mục 2. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
76	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (tiết 3) Mục 3. Ứng dụng			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
77	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
78	Bài tập cuối chương VIII			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
79	Ôn tập học kì II (phần đại số)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
80	Ôn tập học kì II (phần đại số)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
81	Ôn tập học kì II (phần Thống kê và xác suất)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
82	KIỂM TRA HỌC KÌ II			Tuần		Lớp học
83	Trả bài kiểm tra học kì II			Tuần		Lớp học

PHẦN HÌNH HỌC

STT	Bài học (1)	Tiết ppct	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1	Chương III. TỨ GIÁC Bài 10. Tứ giác			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
2	Bài 11. Hình thang cân (tiết 1) Mục 1. Hình thang, hình thang cân			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
3	Bài 11. Hình thang cân (tiết 2) Mục 2. Tính chất hình thang cân			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
4	Bài 11. Hình thang cân (tiết 3) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết hình thang cân			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
5	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
6	Bài 12. Hình bình hành (tiết 1) Mục 1. Hình bình hành và tính chất			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
7	Bài 12. Hình bình hành (tiết 2) Mục 2. Dấu hiệu nhận biết			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
8	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
9	Bài 13. Hình chữ nhật			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
10	Bài 14. Hình thoi và hình vuông (tiết 1) Mục 1. Hình thoi			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
11	Bài 14. Hình thoi và hình vuông (tiết 2) Mục 2. Hình vuông			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
12	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
13	Bài tập cuối chương III (tiết 1)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
14	Bài tập cuối chương III (tiết 2)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
15	Ôn tập giữa học kì I (tiết 1)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội	Lớp học

					dụng bài tập hoặc máy chiếu	
16	Ôn tập giữa học kì I (tiết 2)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
17	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I			Tuần		Lớp học
18	CHƯƠNG IV. ĐỊNH LÝ THALES Bài 15. Định lý Thalès trong tam giác (tiết 1) <i>Mục 1. Đoạn thẳng tỉ lệ</i>			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
19	Bài 15. Định lý Thalès trong tam giác (tiết 2) <i>Mục 2. Định lý Thales trong tam giác (Định lý thuận)</i>			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
20	Bài 15. Định lý Thalès trong tam giác (tiết 3) <i>Mục 2. Định lý Thales trong tam giác (Định lý đảo)</i>			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
21	Bài 16. Đường trung bình của tam giác (tiết 1) <i>Mục 1. Định nghĩa đường trung bình của tam giác</i>			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
22	Bài 16. Đường trung bình của tam giác (tiết 2) <i>Mục 2. Tính chất đường trung bình của tam giác</i>			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
23	Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
24	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
25	Bài tập cuối chương IV (tiết 1)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
26	Bài tập cuối chương IV (tiết 2)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
27	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 1) <i>Chủ đề: Công thức tính lãi kép</i>			Tuần	Dụng cụ thực hành	Lớp học
28	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 2) <i>Chủ đề: Phân tích đặc điểm khí hậu VN</i>			Tuần	Dụng cụ thực hành	Lớp học
29	Ôn tập học kì I (phần hình học)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
30	KIỂM TRA HỌC KÌ I			Tuần		Lớp học
31	Trả bài kiểm tra học kì I			Tuần		Lớp học
32	Chương IX. TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG Bài 33. Hai tam giác đồng dạng (tiết 1)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

	Mục 1. Định nghĩa					
33	Bài 33. Hai tam giác đồng dạng (tiết 2) Mục 2. Định lí			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
34	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (tiết 1) Mục 1. Trường hợp đồng dạng thứ nhất			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
35	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (tiết 2) Mục 2. Trường hợp đồng dạng thứ hai			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
36	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (tiết 3) Mục 3. Trường hợp đồng dạng thứ ba			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
37	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
38	Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng (tiết 1) Mục 1. Định lí Pythagore			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
39	Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng (tiết 2) Mục 2. Ứng dụng của định lí Pythagore			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
40	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông (tiết 1) Mục 1. Áp dụng các trường hợp đồng dạng của tam giác vào tam giác vuông			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
41	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông (tiết 2) Mục 2. Trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác vuông			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
42	Bài 37. Hình đồng dạng			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
43	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
44	Bài tập cuối chương IX			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
45	Ôn tập giữa học kì II			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học

46	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II			Tuần		Lớp học
47	Chương X. MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN Bài 38. Hình chóp tam giác đều (tiết 1) Mục 1. Hình chóp tam giác đều			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
48	Bài 38. Hình chóp tam giác đều (tiết 2) Mục 2. Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
49	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều (tiết 1) Mục 1. Hình chóp tứ giác đều			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
50	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều (tiết 2) Mục 2. Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
51	Luyện tập chung			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
52	Bài tập cuối chương X			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
53	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 1) <i>Chủ đề: Ứng dụng định lý Thales, định lý Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao</i>			Tuần	Dụng cụ thực hành	Lớp học
54	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 2) <i>Chủ đề: Ứng dụng định lý Thales, định lý Pythagore và tam giác đồng dạng để đo khoảng cách</i>			Tuần	Dụng cụ thực hành	Lớp học
55	Ôn tập học kì I (phần hình học)			Tuần	Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu	Lớp học
56	KIỂM TRA HỌC KÌ II			Tuần		Lớp học
57	Trả bài kiểm tra học kì II			Tuần		Lớp học

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

... ngày tháng năm
GIÁO VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH TOÁN 8

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VÀ CUỘC SỐNG

Năm học: 2023 - 2024

Học kì I (18 tuần $\times$ 4 tiết = 72 tiết)

Học kì II (17 tuần $\times$ 4 tiết = 68 tiết)

PHỤ LỤC IV

(Dùng cho Gv in để tiện theo dõi và lên lịch báo giảng)

HỌC KÌ I

Tuần	Tiết	Đại số	Tiết	Hình học	Ghi chú
1	1	Chương I. ĐA THỨC Bài 1. Đơn thức (tiết 1) Mục 1. Đơn thức và đơn thức thu gọn	1	Chương III. TỨ GIÁC Bài 10. Tứ giác	
	2	Bài 1. Đơn thức (tiết 2) Mục 2. Đơn thức đồng dạng	2	Bài 11. Hình thang cân (tiết 1) Mục 1. Hình thang, hình thang cân	
2	3	Bài 2. Đa thức (tiết 1) Mục 1. Khái niệm đa thức.	3	Bài 11. Hình thang cân (tiết 2) Mục 2. Tính chất hình thang cân	
	4	Bài 2. Đa thức (tiết 2) Mục 2. Đa thức thu gọn	4	Bài 11. Hình thang cân (tiết 3) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết hình thang cân	
3	5	Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức	5	Luyện tập chung	
	6	Luyện tập chung	6	Bài 12. Hình bình hành (tiết 1) Mục 1. Hình bình hành và tính chất	
4	7	Bài 4. Phép nhân đa thức (tiết 1) Mục 1. Nhân đơn thức với đa thức	7	Bài 12. Hình bình hành (tiết 2) Mục 2. Dấu hiệu nhận biết	
	8	Bài 4. Phép nhân đa thức (tiết 2) Mục 2. Nhân đa thức với đa thức	8	Luyện tập chung	
5	9	Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức (tiết 1) Mục 1. Chia đơn thức cho đơn thức	9	Bài 13. Hình chữ nhật	
	10	Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức (tiết 2) Mục 2. Chia đa thức cho đơn thức	10	Bài 14. Hình thoi và hình vuông (tiết 1) Mục 1. Hình thoi	
6	11	Luyện tập chung (tiết 1)	11	Bài 14. Hình thoi và hình vuông (tiết 2) Mục 2. Hình vuông	

	12	Luyện tập chung (tiết 2)	12	Luyện tập chung	
7	13	Ôn tập chương I (tiết 1)	13	Bài tập cuối chương III (tiết 1)	
	14	Ôn tập chương I (tiết 2)	14	Bài tập cuối chương III (tiết 2)	
8	15	Ôn tập giữa học kì I (tiết 1)	15	Ôn tập giữa học kì I (tiết 1)	
	16	Ôn tập giữa học kì I (tiết 2)	16	Ôn tập giữa học kì I (tiết 2)	
9	17	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I	17	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I	
	18	Chương II. HẸNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ VÀ ỨNG DỤNG Bài 6. Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu (tiết 1) Mục 1. Hằng đẳng thức Mục 2. Hiệu hai bình phương	18	CHƯƠNG IV. ĐỊNH LÝ THALÈS Bài 15. Định lý Thalès trong tam giác (tiết 1) Mục 1. Đoạn thẳng tỉ lệ	
10	19	Bài 6. Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu (tiết 2) Mục 3. Bình phương của một tổng Mục 4. Bình phương của một hiệu.	19	Bài 15. Định lý Thalès trong tam giác (tiết 2) Mục 2. Định lý Thales trong tam giác (Định lý thuận)	
	20	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu (tiết 1) Mục 1. Lập phương của một tổng	20	Bài 15. Định lý Thalès trong tam giác (tiết 3) Mục 2. Định lý Thales trong tam giác (Định lý đảo)	
11	21	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu (tiết 2) Mục 2. Lập phương của một hiệu	21	Bài 16. Đường trung bình của tam giác (tiết 1) Mục 1. Định nghĩa đường trung bình của tam giác	
	22	Bài 8. Tổng và hiệu hai lập phương	22	Bài 16. Đường trung bình của tam giác (tiết 2) Mục 2. Tính chất đường trung bình của tam giác	
12	23	Luyện tập chung (tiết 1)	23	Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác	
	24	Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử (tiết 1) Mục 1. PTĐT thành nhân tử bằng cách đặt nhân tử chung	24	Luyện tập chung	
13	25	Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử (tiết 1) Mục 2. PTĐT thành nhân tử bằng cách nhóm hạng tử	25	Bài tập cuối chương IV (tiết 1)	
	26	Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử (tiết 1) Mục 3. PTĐT thành nhân tử bằng cách sử dụng HĐT			
	27	Luyện tập chung			
14	28	Ôn tập chương II	26	Bài tập cuối chương IV (tiết 2)	
	29	Chương V. DỮ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ			

		Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu (tiết 1) Mục 1. Thu thập dữ liệu			
	30	Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu (tiết 2) Mục 2. Phân loại dữ liệu			
15	31	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (tiết 1) Mục 1. Lựa chọn biểu đồ tranh hay biểu đồ cột Mục 2. Lựa chọn biểu đồ cột hay biểu đồ đoạn thẳng	27	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 1) Chủ đề: Công thức tính lãi kép	
	32	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (tiết 2) Mục 3. Lựa chọn biểu đồ cột kép hay biểu đồ hình quạt tròn			
	33	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (tiết 1) Mục 1. Cần lưu ý khi đọc và diễn giải biểu đồ			
16	34	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (tiết 2) Mục 2. Đọc và phân tích số liệu biểu đồ	28	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 2) Chủ đề: Phân tích đặc điểm khí hậu VN	
	35	Luyện tập chung			
	36	Bài tập cuối chương V			
17	37	Ôn tập học kì I (phần đại số)	29	Ôn tập học kì I (phần hình học)	
	38	Ôn tập học kì I (phần đại số)			
	39	Ôn tập học kì I (phần Thống kê và xác suất)			
18	40	KIỂM TRA HỌC KÌ I	30	KIỂM TRA HỌC KÌ I	
	41	Trả bài kiểm tra học kì I	31	Trả bài kiểm tra học kì I	

HỌC KÌ II

Tuần	Tiết	Đại số	Tiết	Hình học	Ghi chú
19	42	Chương VI. PHÂN THỨC ĐẠI SỐ Bài 21. Phân thức đại số (tiết 1) Mục 1. Phân thức đại số	32	Chương IX. TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG Bài 33. Hai tam giác đồng dạng (tiết 1) Mục 1. Định nghĩa	
	43	Bài 21. Phân thức đại số (tiết 2) Mục 2. Hai phân thức bằng nhau	33	Bài 33. Hai tam giác đồng dạng (tiết 2) Mục 2. Định lý	
20	44	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (tiết 1) Mục 1. Tính chất cơ bản của phân thức	34	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (tiết 1) Mục 1. Trường hợp đồng dạng thứ nhất	
	45	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (tiết 2) Mục 2. Vận dụng (rút gọn phân thức)	35	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (tiết 2) Mục 2. Trường hợp đồng dạng thứ hai	
21	46	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (tiết 3) Mục 3. Vận dụng (quy đồng mẫu nhiều phân thức)	36	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (tiết 3) Mục 3. Trường hợp đồng dạng thứ ba	
	47	Luyện tập chung	37	Luyện tập chung	
22	48	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (tiết 1) Mục 1. Cộng hai phân thức cùng mẫu Mục 2. Cộng hai phân thức khác mẫu	38	Bài 35. Định lý Pythagore và ứng dụng (tiết 1) Mục 1. Định lý Pythagore	
	49	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (tiết 2) Mục 3. Trừ hai phân thức.	39	Bài 35. Định lý Pythagore và ứng dụng (tiết 2) Mục 2. Ứng dụng của định lý Pythagore	
23	50	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (tiết 3) Mục 4. Cộng, trừ nhiều phân thức đại số.	40	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông (tiết 1) Mục 1. Áp dụng các trường hợp đồng dạng của tam giác vào tam giác vuông	
	51	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (tiết 1)	41	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông (tiết 2)	

		Mục 1. Nhân hai phân thức		Mục 2. Trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác vuông	
24	52	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (tiết 2) Mục 2. Chia hai phân thức	42	Bài 37. Hình đồng dạng	
	53	Luyện tập chung	43	Luyện tập chung	
25	54	Bài tập cuối chương VI	44	Bài tập cuối chương IX	
	55	Ôn tập giữa học kì II	45	Ôn tập giữa học kì II	
26	56	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	46	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	
	57	Chương VII. PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT VÀ HÀM SỐ BẬC NHẤT Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn (tiết 1) Mục 1. Phương trình một ẩn			
	58	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn (tiết 2) Mục 2. Phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải			
27	59	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn (tiết 3) Mục 3. Phương trình đưa được về dạng $ax+b=0$	47	Chương X. MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN Bài 38. Hình chóp tam giác đều (tiết 1) Mục 1. Hình chóp tam giác đều	
	60	Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	48	Bài 38. Hình chóp tam giác đều (tiết 2) Mục 2. Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều	
28	61	Luyện tập chung	49	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều (tiết 1) Mục 1. Hình chóp tứ giác đều	
	62	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số (tiết 1) Mục 1. Khái niệm hàm số			
	63	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số (tiết 2) Mục 2. Mặt phẳng tọa độ			
29	64	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số (tiết 3) Mục 3. Đồ thị của hàm số	50	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều (tiết 2) Mục 2. Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều	
	65	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất (tiết 1) Mục 1. Khái niệm hàm số bậc nhất			

	66	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất (tiết 2) <i>Mục 2. Đồ thị của hàm số bậc nhất</i>			
30	67	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng (tiết 1) <i>Mục 1. Hệ số góc của đường thẳng</i>	51	Luyện tập chung	
	68	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng (tiết 2) <i>Mục 2. Đường thẳng song song, đường thẳng cắt nhau</i>			
	69	Luyện tập chung			
31	70	Bài tập cuối chương VII	52	Bài tập cuối chương X	
	71	Chương VIII. MỞ ĐẦU VỀ TÍNH XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi (tiết 1) <i>Mục 1. Kết quả có thể của hành động, thực nghiệm</i>			
	72	Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi (tiết 2) <i>Mục 2. Kết quả thuận lợi cho một biến cố</i>			
32	73	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số	53	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 1) <i>Chủ đề: Ứng dụng định lý Thales, định lý Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao</i>	
	74	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (tiết 1) <i>Mục 1. Xác suất thực nghiệm của một biến cố</i>			
	75	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (tiết 2) <i>Mục 2. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất</i>			
33	76	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (tiết 3) <i>Mục 3. Ứng dụng</i>	54	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 2) <i>Chủ đề: Ứng dụng định lý Thales, định lý Pythagore và tam giác đồng dạng để đo khoảng cách</i>	
	77	Luyện tập chung			
	78	Bài tập cuối chương VIII			
34	79	Ôn tập học kì II (phần đại số)	55	Ôn tập học kì I (phần hình học)	
	80	Ôn tập học kì II (phần đại số)			

	81	Ôn tập học kì II (phần Thống kê và xác suất)			
35	82	KIỂM TRA HỌC KÌ II	56	KIỂM TRA HỌC KÌ II	
	83	Trả bài kiểm tra học kì II	57	Trả bài kiểm tra học kì II	